

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 01 năm 2026
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Nguyễn Thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tú V, sinh năm 1988; căn cước số 015188009329, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 21/03/2023; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Kế T, sinh năm 1980; căn cước công dân số 015080003473, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 06/09/2021; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Tú V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Kế T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) ngày 24 tháng 01 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, không lo lắng cho gia đình, một mình chị V phải quán xuyến, gánh vác công việc và chăm lo cho gia đình, áp lực

kinh tế quá nặng nề với chị V. Chị V đã nhiều lần khuyên bảo anh T, nhưng anh T không thay đổi mà thường xuyên gây sự, chửi bới, xúc phạm chị V. Anh T thường xuyên uống rượu, mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 12 năm 2024, chị V và các con đã ra ngoài thuê nhà ở cho đến nay. Chị V và anh T ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Kế T.

Về con chung: Chị Lê Thị Tú V và anh Phan Kế T có hai con chung là cháu Phan Ánh T1, sinh ngày 29/08/2006 và cháu Phan Anh K, sinh ngày 26/07/2019. Cháu Phan Ánh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị Lê Thị Tú V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2025, anh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Tú V kết hôn với nhau ngày 24 tháng 01 năm 2006 tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không quá lớn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị V về đoàn tụ.

Về nuôi con: Anh Phan Kế T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về nuôi con.

Về chia tài sản: Anh Phan Kế T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh Phan Kế T có nơi thường trú tại Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

Nguyên đơn chị Lê Thị Tú V và bị đơn anh Phan Kế T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tú V và anh Phan Kế T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là phường V, tỉnh Lào Cai) ngày 24 tháng 01 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị V sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, không lo lắng cho gia đình và áp lực kinh tế quá nặng nề với chị V. Chị V đã nhiều lần khuyên bảo anh T, nhưng anh T không thay đổi mà thường xuyên gây sự, chửi bới, xúc phạm chị V. Tháng 12 năm 2024 chị V và các con đã ra ngoài thuê nhà ở cho đến nay. Chị V và anh T ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng theo anh không quá lớn để vợ chồng phải ly hôn, anh không đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến hòa giải, nhưng anh T không hợp tác, không có mặt theo thông báo của Tòa án, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị V và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Tú V và anh Phan Kế T có hai con chung là cháu Phan Ánh T1, sinh ngày 29/08/2006 và cháu Phan Anh K, sinh ngày 26/07/2019. Cháu Phan Ánh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Phan Anh K hiện đang sống cùng chị V, chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Nguyện vọng của chị V phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Tú V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tú V và anh Phan Văn T2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; các Điều 228; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tú V được ly hôn anh Phan Kế T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Tú V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Anh K, sinh ngày 26/07/2019, cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Phan Kế T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền là 1.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/01/2026), phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lê Thị Tú V có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Phan Kế T chưa thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Tú V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/25E, số 0001222 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ngày 14/10/2025. Anh Phan Kế T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng (chưa nộp).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1- Lào Cai;
- UBND P. Văn Phú, tỉnh Lào Cai, (GCNKH số 04 ngày 24/01/2006 của UBND xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đường sự (02);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1- Lào Cai;
- UBND P.Văn Phú, tỉnh Lào Cai,
(GCNKH số 04 ngày 24/01/2006
của UBND xã Phú Thịnh, huyện
Yên Bình, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hải

